

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22819707] - Trang bị điện trong
máy cắt kim loại (CCQ2203G)

Số SV có mặt: 58..

Số bài thi: 58.....

CBGD: Ngô Đình Khôi (280016), Nguyễn Văn P Số tờ giấy thi: 58..

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122040028	Trần Văn Bằng	19/12/2003	CCQ2203D			7,9	8,5	8,3
2	2122030117	Huỳnh Tôn Bảo	01/05/2004	CCQ2203D			8,0	8,0	8,0
3	2122030183	Nguyễn Công Chương	05/12/2004	CCQ2203F			5,2	6,8	6,1
4	2122030012	Hà Văn Cường	21/08/2004	CCQ2203A			8,9	7,5	8,1
5	2122030251	Nguyễn Châu Thành	01/07/2004	CCQ2203F			9,3	10,0	9,7
6	2122030172	Nguyễn Tiến Đạt	18/04/2004	CCQ2203E			7,6	9,0	8,5
7	2122030141	Hồ Thành Đô	15/09/2004	CCQ2203E			8,2	7,5	7,8
8	2122030208	Phan Xuân Đức	25/07/2004	CCQ2203D			8,0	8,5	8,3
9	2121030014	Trần Lê Hoàng	02/03/2003	CCQ2103A					
10	2122030230	Nguyễn Ngọc Đăng	19/09/2003	CCQ2203B			5,9	6,8	6,4
11	2122030121	Nguyễn Duy	28/09/2004	CCQ2203D			8,7	8,5	8,6
12	2122030092	Vũ Khắc Duy	14/11/2004	CCQ2203C			6,0	3,0	4,2
13	2122030116	Trần Tiền Giang	30/01/2004	CCQ2203D			7,7	8,0	7,9
14	2122030125	Phan Văn Hậu	18/03/2004	CCQ2203D			9,7	8,5	9,0
15	2120030078	Nguyễn Chí Hiệp	07/03/2002	CCQ2003C			5,2	5,0	5,1
16	2122030103	Nguyễn Quốc Hiệp	01/01/2004	CCQ2203C			6,0	3,0	4,2
17	2122030149	Huỳnh Trung Hiếu	01/01/2000	CCQ2203E			9,5	8,4	8,9
18	2122030145	Lê Đức Hoàng	05/07/2004	CCQ2203E			9,1	7,2	7,9
19	2122030144	Ngô Minh Hoàng	10/09/2004	CCQ2203E			8,6	7,6	8,0
20	2122030170	Nguyễn Trương Hoàng	17/11/2004	CCQ2203E			9,1	8,0	8,4
21	2122170296	Phạm Quốc Hữu	22/10/2004	CCQ2203H			8,1	8,5	8,3
22	2122030119	Châu Gia Huy	16/08/2004	CCQ2203D			8,0	8,5	8,3
23	2122030256	Nguyễn Nhật Huy	20/10/2004	CCQ2203E					
24	2122110334	Ngô Trương Trọng Kha	10/10/2004	CCQ2203G			8,0	8,0	8,0
25	2122030088	Phạm Quang Khải	13/04/2004	CCQ2203C			6,0	3,0	4,2
26	2122030233	Nguyễn Xuân Lộc	21/02/2004	CCQ2203C			8,0	9	8,6
27	2122030087	Huỳnh Quốc Lợi	22/01/2004	CCQ2203C			6,3	4,5	5,2
28	2122030093	Trần Văn Phúc	28/03/2004	CCQ2203C			8,0	9	8,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22819707] - Trang bị điện trong
máy cắt kim loại (CCQ2203G)

Số SV có mặt: 58...

Số bài thi: ...58...

CBGD: Ngô Đình Khôi (280016), Nguyễn Văn P Số tờ giấy thi: ...58

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122030138	Nguyễn Duy Phước	02/12/2004	CCQ2203H			7,7	8,0	7,9
30	2122030095	Bá Thiên Minh Quang	08/11/2004	CCQ2203C			5,0	7,0	6,2
31	2122030074	Trần Minh Quốc	15/09/2004	CCQ2203C			8,0	9,0	8,6
32	2122030216	Nguyễn Hoàng Quy	02/12/2003	CCQ2203H			0	0	0
33	2122170734	Phan Vũ Trường Sang	15/10/2004	CCQ2203C			8,0	9,0	8,6
34	2122170078	Bùi Trường Sinh	06/10/2004	CCQ2203H			7,0	8,0	7,5
35	2121030091	Từ Ngọc Sơn	24/03/2003	CCQ2103C			1,5	0	0,6
36	2122030003	Trần Tấn Tài	08/11/2003	CCQ2203G			8,7	8,0	8,3
37	2122170332	Đinh Đức Thắng	09/01/2004	CCQ2203H			8,0	9,0	8,6
38	2122140048	Trần Đình Thắng	13/02/2004	CCQ2203H			7,8	8,0	7,9
39	2122030071	Võ Minh Thiện	01/02/2004	CCQ2203G			7,9	8,0	8,0
40	2122030176	Nguyễn Trường Thọ	02/03/2004	CCQ2203H			8,0	8,5	8,3
41	2122030143	Nguyễn Chí Thông	19/04/2004	CCQ2203H			7,7	8,5	8,2
42	2122170298	Đặng Ngọc Tiên	01/07/2004	CCQ2203H			8,7	7,0	7,7
43	2122030219	Phan Đức Tín	27/09/2004	CCQ2203H			7,5	7,8	7,7
44	2122030181	Nguyễn Thanh Toán	27/07/2002	CCQ2203H			7,0	8	8,8
45	2122030113	Huỳnh Minh Toàn	07/11/2004	CCQ2203H			10,0	0	0
46	2122030001	Lê Trọng Trí	10/09/2004	CCQ2203G			10,0	10,0	10,0
47	2122030259	Nguyễn Cao Trí	24/05/2003	CCQ2203H			8,0	9,0	8,6
48	2122030110	Đoàn Lê Thiên Triết	22/08/2004	CCQ2203H			7,0	6,0	6,4
49	2122170504	Trần Minh Trung	23/02/2004	CCQ2203G			6,0	4,5	5,1
50	2122030077	Trần Nhật Trường	13/02/2004	CCQ2203G			6,0	4,5	5,1
51	2122030194	Mai Nhật Trường	27/09/1999	CCQ2203H			7,5	8,0	7,8
52	2122030140	Lê Quốc Truyền	27/02/2004	CCQ2203H			8,0	8,3	8,2
53	2122030173	Trương Anh Tú	20/08/2004	CCQ2203H			4,0	8,0	6,4
54	2122030096	Huỳnh Thiên Tứ	06/12/2004	CCQ2203G			7,5	8,0	7,8
55	2122030063	Thái Quốc Tuấn	17/11/2004	CCQ2203G			8,0	9,0	8,6
56	2122030225	Đặng Quang Vĩ	06/01/2003	CCQ2203G			8,0	9,0	8,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

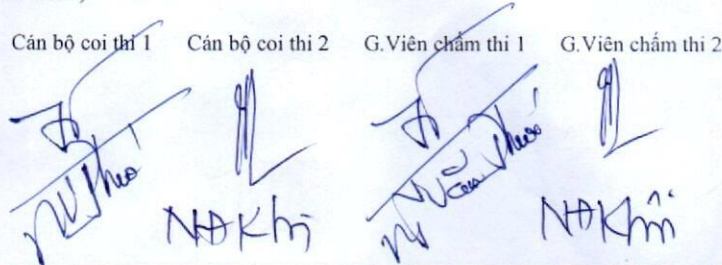
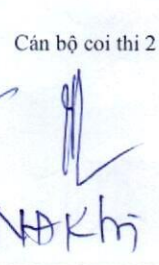
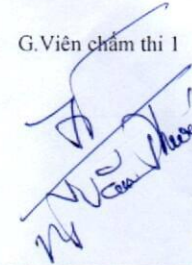
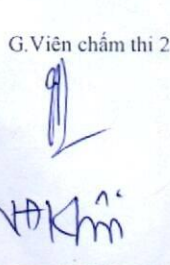
G.Viên chấm thi 2

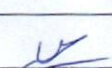
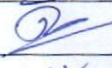
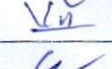
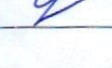
Môn học : [22819707] - Trang bị điện trong
máy cắt kim loại (CCQ2203G)

Số SV có mặt: 58...

Số bài thi:58...

CBGD: Ngô Đình Khôi (280016), Nguyễn Văn F Số tờ giấy thi: 58...


Cán bộ coi thi 1: 
Cán bộ coi thi 2: 
G.Viên chấm thi 1: 
G.Viên chấm thi 2: 

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
57	2122030053	Ninh Quan	Viên	24/12/2004	CCQ2203G		8,0	9,0	8,6
58	2122030051	Phạm Văn	Việt	21/06/2004	CCQ2203G		8,0	9,0	8,6
59	2122140005	Mai Xuân	Vũ	02/11/2004	CCQ2214A		6,0	8,0	7,2
60	2122030249	Trần Như	Ý	22/07/2004	CCQ2203H		9,0	9,0	9,0

Phước : 20 bạn (nhóm 1) ⇒ Leg bạn
20 bạn (nhóm 2)

Khôn | 18/20 (nhóm 3) | HĐ: 18
V: 02

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22819702] - Trang bị điện trong
máy cắt kim loại (CCQ2203B)

Số SV có mặt: 44
Số bài thi: 44

CBGD: Ngô Đình Khôi (280016), Nguyễn Khoa Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122140044	Phạm Văn	Đặng	16/03/2004	CCQ2214B				
2	2122030034	Đoàn Tấn	Đạt	24/06/2004	CCQ2203A	<u>Đạt</u>	6.67	4.0	5.07
3	2122030226	Dương Tấn	Đạt	05/10/2004	CCQ2203A	<u>Đạt</u>	5.95	4.5	5.08
4	2122040029	Phạm Quang Phước	Đạt	02/01/2004	CCQ2203A	<u>Đạt</u>	6.92	7.0	6.97
5	2122030007	Trương Hào	Điệp	05/11/2004	CCQ2203A	<u>Điệp</u>	7.18	8.5	7.97
6	2122030122	Đỗ Trung	Hậu	20/11/2004	CCQ2203D	<u>Hậu</u>	7.38	4.0	5.35
7	2122030043	Nguyễn Minh	Hiếu	10/07/2004	CCQ2203B	<u>Hiếu</u>	7.27	8.0	7.71
8	2121140039	Trần Văn	Hiếu	05/06/2003	CCQ2114A	<u>Hiếu</u>	7.54	8.0	7.82
9	2122030026	Đinh Văn	Hoàng	01/04/2004	CCQ2203A	<u>Hoàng</u>	9.1	6.5	7.6
10	2122030189	Trần Minh	Kết	25/10/2003	CCQ2203F	<u>Kết</u>	4.2	8.0	6.5
11	2122110178	Nguyễn Hữu	Kha	12/05/2004	CCQ2203B	<u>Kha</u>	7.75	0.0	3.1
12	2122030060	Nguyễn Hữu	Khải	25/07/2004	CCQ2203B	<u>Khải</u>	7.9	7.7	7.8
13	2122170735	Phan Thành	Khải	26/10/2004	CCQ2203B	<u>Khải</u>	7.58	8.5	8.13
14	2122030038	Huỳnh Thái	Khang	19/07/2004	CCQ2203B	<u>Khang</u>	9.54	9.0	9.22
15	2122030015	Lê Văn	Khánh	02/01/2003	CCQ2203A	<u>Khánh</u>	7.92	6.5	7.07
16	2122030048	Cao Nguyên	Khuong	05/04/2004	CCQ2203B	<u>Khuong</u>	8.78	8.5	8.72
17	2122030223	Phạm Lê	Khuong	30/05/2003	CCQ2203A	<u>Khuong</u>	6.55	6.5	6.52
18	2122030085	Trần Tuấn	Kiệt	06/06/2004	CCQ2203C	<u>Kiệt</u>	7.21	9.0	8.28
19	2122030224	Thái Nhật	Lâm	18/06/2003	CCQ2203A				
20	2122030099	Nguyễn Đức	Lợi	03/07/2003	CCQ2203C	<u>Lợi</u>	9.6	8.6	9.0
21	2122030055	Nguyễn Văn	Lợi	06/01/2003	CCQ2203B	<u>Lợi</u>	5.5	8.2	7.1
22	2122030054	Mai Quang	Luân	13/04/2004	CCQ2203B	<u>Luân</u>	9.5	9.0	9.2
23	2122030035	Phan Ngọc	Luân	10/10/2004	CCQ2203A				
24	2122030204	Nguyễn Trường	Mạnh	19/08/2004	CCQ2203A	<u>Mạnh</u>	7.6	6.5	6.9
25	2122030058	Lê	Minh	18/06/2004	CCQ2203B	<u>Minh</u>	7.67	7.0	7.27
26	2122030057	Lưu Chí	Nghĩa	13/09/2004	CCQ2203B	<u>Nghĩa</u>	5.8	4.5	5.02
27	2122030014	Võ Chí	Nhân	20/08/2004	CCQ2203A	<u>Nhân</u>	5.8	6.5	6.2
28	2121030035	Phạm Thanh	Nhất	24/12/2003	CCQ2103A	<u>Nhất</u>	8.0	8.5	8.3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22819702] - Trang bị điện trong
máy cắt kim loại (CCQ2203B)

CBGD: Ngô Đình Khôi (280016), Nguyễn Khoa

Số SV có mặt: 44/44

Số bài thi: 44/44

Số tờ giấy thi: 44/44

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122030027	Võ Duy Nhất	07/02/2004	CCQ2203A			6.88	8.25	7.88
30	2120140063	Trà Thanh Phong	05/06/2001	CCQ2014B					
31	2121030024	Nguyễn Thiên Phú	03/05/2003	CCQ2103A			7.05	6.5	6.72
32	2122030227	Trần Hoàng Phúc	24/09/2003	CCQ2203A					
33	2122030137	Phạm Lê Quân	08/11/2004	CCQ2203D			6.5	6.0	6.2
34	2120030189	Đào Hoàng Nhật Quang	21/07/2002	CCQ2003F					
35	2122030229	Mai Vĩnh Quang	22/07/1999	CCQ2203B			7.75	7.0	7.3
36	2122030252	Nguyễn Đình Quốc	25/05/2004	CCQ2203A			8.7	6.5	7.4
37	2122030036	Phan Sơn	31/07/2004	CCQ2203B			8.6	8.6	8.6
38	2122030068	Trần Văn Sơn	02/04/2004	CCQ2203B			7.33	8.25	7.88
39	2122030105	Lưu Văn Tài	14/07/2004	CCQ2203D					
40	2122030040	Trần Đức Thắng	12/01/2004	CCQ2203B			5.4	8.2	7.1
41	2122030232	Nguyễn Ngọc Thành	01/10/2004	CCQ2203B			9.13	9.0	9.05
42	2122030023	Phạm Quốc Thịnh	14/07/2004	CCQ2203G			7.4	7.8	7.6
43	2122030021	Trương Minh Tiên	02/10/2004	CCQ2203G			8.8	7.5	8.0
44	2122030262	Trần Nam Tiến	23/08/2004	CCQ2203G			8.8	8.6	8.7
45	2122030081	Nguyễn Cao Trí	13/10/2004	CCQ2203G			9.6	6.5	7.8
46	2122030037	Nguyễn Ngọc Trung	11/07/2003	CCQ2203G			7.38	8.5	8.05
47	2122030069	Nguyễn Anh Tuấn	05/01/2004	CCQ2203G			7.0	6.2	6.5
48	2122030024	Huỳnh Tấn Vũ	13/08/2004	CCQ2203G			8.5	7.8	8.1
49	2122030047	Nguyễn Anh Vũ	25/08/2004	CCQ2203G			8.4	6.5	7.3
50	2122030062	Nguyễn Huỳnh Thái Vũ	17/05/2004	CCQ2203G			8.6	6.7	7.5
51	2122030120	Nguyễn Hoài Vương	20/10/2004	CCQ2203H					
52	2122030044	Trần Quốc Vương	07/11/2004	CCQ2203G			7.88	8.0	7.95

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22819705] - Trang bị điện trong
máy cắt kim loại (CCQ2203E)

Số SV có mặt: 40.

Số bài thi: 40.

CBGD: Nguyễn Văn Phước (280023), Phạm Toà Số tờ giấy thi: 40.

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122030086	Trần Phú An	25/02/2004	CCQ2203C			6,0	5,0	5,4
2	2122030218	Võ Hồng Ánh	02/10/2004	CCQ2203F			7,5	5,0	6,0
3	2122030187	Nguyễn Thành Dân	16/09/2004	CCQ2203F			7,0	9,0	8,2
4	2122030154	Trần Ngọc Hải Đăng	16/10/2004	CCQ2203E			7,5	5,0	6,0
5	2122030078	Võ Thanh Danh	29/10/2004	CCQ2203C			9,0	9,0	9,0
6	2122030191	Mai Tiến Đạt	23/03/2004	CCQ2203F			9,0	8,0	8,4
7	2122030079	Đặng Nguyễn Tấn Doãn	26/09/2004	CCQ2203C			0	0	0
8	2122030241	Lâm Ngọc Duẩn	16/02/2004	CCQ2203D			6,0	5,0	5,4
9	2122030109	Trương Từ Hải	29/09/2004	CCQ2203D			0	0	0
10	2122030168	Trần Chí Hào	09/05/2004	CCQ2203E			9,0	8,0	8,4
11	2122050033	Phạm Đức Hào	25/08/2004	CCQ2203F			7,5	8,0	7,8
12	2122030214	Phan Hữu Hợp	10/04/2004	CCQ2203E			7,7	8,0	7,8
13	2122030159	Phạm Mạnh Hùng	14/11/2002	CCQ2203E			9,0	8,0	8,4
14	2122030243	Nguyễn Hưng	23/03/2004	CCQ2203D			9,0	8,0	8,4
15	2122030217	Nguyễn Văn Hưng	25/03/2004	CCQ2203F			7,4	7,0	7,2
16	2122030213	Nguyễn Văn Huy	20/03/2004	CCQ2203E			6,5	6,5	6,5
17	2122030198	Huỳnh Đỗ Duy Khang	04/07/2004	CCQ2203F			7,0	5,0	5,8
18	2122030174	Lê Huỳnh Khang	04/12/2004	CCQ2203F			7,5	6,6	7,0
19	2122030006	Trần Vũ Khang	28/09/2004	CCQ2203A			6,0	8,0	7,2
20	2122030161	Trần Gia Khiêm	20/01/2004	CCQ2203E			5,8	8,0	7,0
21	2122030167	Trương Anh Kiệt	15/09/2004	CCQ2203E			6,0	8,0	7,2
22	2122030193	Nguyễn Phúc Lộc	16/10/2004	CCQ2203F			7,5	6,5	8,1
23	2122030177	Trần Phước Lộc	26/03/2004	CCQ2203F			8,5	9,0	8,8
24	2122030244	Nguyễn Hữu Lợi	30/09/2004	CCQ2203E			8,0	8,0	8,0
25	2122030164	Nguyễn Thành Luân	04/11/2004	CCQ2203E			8,0	9,0	8,6
26	2122030142	Lê Công Lý	16/07/2004	CCQ2203E			7,0	4,0	5,2
27	2122030190	Phan Văn Minh	28/02/2004	CCQ2203F			7,0	8,0	7,6
28	2122030075	Nguyễn Văn Mỹ	07/07/2004	CCQ2203C			7,0	9,0	8,2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22819705] - Trang bị điện trong
máy cắt kim loại (CCQ2203E)

Số SV có mặt: 40

Số bài thi: 40

CBGD: Nguyễn Văn Phước (280023), Phạm Toà Số tờ giấy thi: 40

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122030155	Nguyễn Phước	Nghĩa	02/11/2004	CCQ2203E	Nguyễn	7,5	4,1	5,5
30	2122030124	Nguyễn Đình	Nhất	19/01/2004	CCQ2203D	Nguyễn	6,5	5,0	5,6
31	2122030188	Nguyễn Thành	Nhất	13/03/2004	CCQ2203F	Nguyễn	6,0	4,1	5,0
32	2122030157	Nguyễn Quang	Nhật	07/10/2004	CCQ2203E	Nguyễn	7,5	4,0	5,3
33	2122030139	Hà Thanh	Phong	02/06/2004	CCQ2203E	Phong	8,0	8,0	8,0
34	2122030162	Nguyễn Trọng	Phú	12/08/2004	CCQ2203E	Phú	6,5	5,0	5,6
35	2122030158	Trần Hoàng	Phúc	13/12/2004	CCQ2203E	Phúc	7,5	8,0	7,7
36	2122030192	Huỳnh Ngọc	Tài	30/09/2004	CCQ2203F	Tài	0	0	0
37	2122030102	Nguyễn Quốc	Thắng	19/04/2004	CCQ2203G	Thắng	9,0	5,0	6,6
38	2122030185	Nguyễn Trung	Tín	13/10/2004	CCQ2203H	Tín	6,5	4,1	5,0
39	2122030091	Mai Thanh	Tùng	23/05/2004	CCQ2203G	Tùng	7,0	8,0	7,6
40	2122030084	Đặng Ngọc	Vương	12/08/2004	CCQ2203G	Ngọc	0	0	0

Điểm : 24,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22819703] - Trang bị điện trong
máy cắt kim loại (CCQ2203C)

Số SV có mặt: 32...
Số bài thi: ...3.2....

CBGD: Đào Thanh Tâm (280037), Phạm Toàn S Số tờ giấy thi: 3.2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122030231	Trần Minh Bảo	09/05/2004	CCQ2203B		Bảo	6,3	7,0	6,7
2	2122030083	Mai Hùng Cường	22/01/2004	CCQ2203C		Cuong	6,5	6,0	6,2
3	2122030019	Lại Thành Đăng	14/12/2003	CCQ2203A		Duy	5,5	7,5	6,7
4	2122030008	Nguyễn Tấn Đạt	11/09/2004	CCQ2203A		Tan dal	6,8	5,5	6,0
5	2120030076	Nguyễn Tiến Đạt	30/09/2002	CCQ2003C		Dat	7,5	8,5	8,1
6	2122030111	Nguyễn Tiến Đạt	05/02/2003	CCQ2203D					
7	2122030030	Phan Minh Đạt	27/07/2004	CCQ2203A					
8	2122030072	Nguyễn Quốc Điền	07/10/2004	CCQ2203C		Diên	6,3	5,5	5,8
9	2120140004	Nguyễn Minh Đức	18/06/2001	CCQ2014A		Duc	7,0	8,0	7,6
10	2122030049	Cao Nguyên Duy	05/04/2004	CCQ2203B		Duy	7,8	8,0	7,9
11	2122030064	Võ Trần Duy	04/09/2004	CCQ2203B		Duy	7,8	5,5	6,4
12	2122030070	Võ Trần Khánh Duy	22/05/2004	CCQ2203B		Duy	7,0	8,5	7,9
13	2122170449	Phạm Trường Giang	15/02/2004	CCQ2203C					
14	2122030212	Ngô Văn Giáp	20/02/2004	CCQ2203D		Giôn	6,5	5,0	6,2
15	2122030114	Đinh Mạnh Hải	07/06/2004	CCQ2203D					
16	2122030056	Hồ Thế Hiền	17/12/2004	CCQ2203B					
17	2120140007	Phan Trung Hiếu	17/12/2002	CCQ2014A					
18	2122030066	Nguyễn Công Hoàng	05/10/2004	CCQ2203B		Hoang	5,8	8,0	7,1
19	2122030112	Lương Văn Hội	07/06/2004	CCQ2203D		Hoi	8,5	7,5	7,9
20	2122030082	Đặng Ngọc Huy	25/06/2003	CCQ2203C		Huy	7,5	8,0	7,8
21	2122030205	Đặng Quang Huy	07/10/2004	CCQ2203B					
22	2122030107	Nguyễn Xuân Huy	15/03/2004	CCQ2203D		Huy	6,5	8,0	7,4
23	2122030089	Phạm Gia Huy	17/05/2004	CCQ2203C		Huy	7,0	5,0	5,8
24	2122030061	Trần Minh Huy	09/01/2004	CCQ2203B		Huy	8,0	6,0	6,8
25	2122030106	Nguyễn Đức Kha	21/11/2004	CCQ2203D		Kha	6,5	9,0	8,0
26	2120140014	Nguyễn Hoàng Anh Kiệt	19/05/2000	CCQ2014A		Kiet	9,0	8,0	8,4
27	2122030260	Nguyễn Thái Thành Lân	31/07/2001	CCQ2203D					
28	2122030126	Nguyễn Thành Lợi	26/09/2003	CCQ2203D		Loi	8,0	6,0	6,8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

[Handwritten signatures of examiners]

Môn học : [22819703] - Trang bị điện trong
máy cắt kim loại (CCQ2203C)
Số SV có mặt: 32...
Số bài thi:32...
CBGD: Đào Thanh Tâm (280037), Phạm Toàn S Số tờ giấy thi: 32...

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122030242	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	22/04/2004	CCQ2203D		Nam	7,5	6,0	6,6
30	2122030101	Lê Hoàng	Phúc	01/01/2004	CCQ2203C		Phu	7,5	8,5	8,1
31	2122030136	Nguyễn Thanh	Sang	07/08/2004	CCQ2203D		Sang	8,0	7,0	7,4
32	2122030073	Hồ Chánh	Son	23/08/2004	CCQ2203C		Son	7,5	8,0	7,8
33	2122030253	Nguyễn Nhựt	Thành	26/04/2004	CCQ2203H		Thi	9,0	7,0	7,8
34	2122030133	Lê Nhật	Thiên	25/12/2004	CCQ2203H		Thien	7,5	5,0	6,0
35	2122030115	Trần Huỳnh Tri	Thức	23/09/2004	CCQ2203H		Thi	8,0	5,0	6,2
36	2122030041	Phan Văn	Trang	02/02/2004	CCQ2203G		Trang	8,5	8,0	8,2
37	2122030010	Nguyễn Xuân	Trường	28/11/2004	CCQ2203G		Truong	6,0	5,0	5,4
38	2122030132	Trần Văn	Vĩ	24/02/2004	CCQ2203H		V	8,0	7,0	7,4
39	2122030130	Nguyễn Tam	Vinh	06/02/2004	CCQ2203H		Vinh	7,5	7,0	7,2
40	2122030076	Huỳnh Trung	Vương	04/07/2004	CCQ2203G		Vuong	7,0	8,0	7,4